

Số: **2707** /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày **17** tháng **12** năm **2018**

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Giao thông vận tải thực hiện
Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường và Viện trưởng Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Giao thông vận tải thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (sau đây gọi là Kế hoạch hành động).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, thay thế Quyết định số 4088/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT;
- Các Thứ trưởng;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, MT.



Nguyễn Văn Thế

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ 2030
VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2707/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững ban hành kèm theo Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; hướng tới phát triển hệ thống giao thông vận tải an toàn, thuận tiện, hiệu quả và bền vững.

1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Hàng năm tiếp tục kiểm chế và giảm tai nạn giao thông từ 5 - 10% trên cả ba tiêu chí: số vụ, số người chết và số người bị thương.

b) Ưu tiên nguồn lực để phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, chú trọng phát triển hệ thống hạ tầng kết nối giữa các phương thức vận tải và trung tâm logistics; đảm bảo đáp ứng nguồn vốn cho công tác bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông vận tải.

c) Đảm bảo 100% các xã được tiếp cận với đường giao thông nông thôn; nâng cao chất lượng mạng lưới đường nông thôn đặc biệt là vùng dân tộc thiểu số.

d) Phát triển vận tải hành khách công cộng với tỷ lệ đảm nhận từ 35 - 40% tại thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hà Nội; 70 - 100% nhà ga, bến tàu, bến xe, điểm dừng đón trả khách đáp ứng quy chuẩn xây dựng về điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật và người cao tuổi; 100% tuyến vận tải hành khách công cộng có chỉ dẫn, hỗ trợ hoặc đầu tư phương tiện đáp ứng quy chuẩn về giao thông tiếp cận để người khuyết tật, người cao tuổi tiếp cận sử dụng.

đ) Điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật thiết kế công trình đảm bảo 100% công trình giao thông xây dựng mới có lồng ghép các yếu tố biến đổi khí hậu.

II. Các nhiệm vụ chủ yếu đảm bảo thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững quốc gia (VSDGs)

2.1. Các nhiệm vụ nhằm kiểm chế và giảm tai nạn giao thông trên cả ba tiêu chí: số vụ, số người chết và số người bị thương (Mục tiêu số 3.5, mục b)

a) Ưu tiên bố trí nguồn vốn cho công tác bảo trì, cải tạo điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

b) Tập trung nguồn lực hoàn thành các cầu dân sinh, cầu yếu, cầu hạn chế tải trọng trên hệ thống đường bộ và các cầu không bảo đảm khổ thông thuyền

trên hệ thống đường thủy nội địa; huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ các địa phương phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

c) Tổ chức, rà soát xây dựng mới, sửa đổi bổ sung và hoàn thiện các cơ chế chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện giao thông.

d) Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong giám sát hành trình phương tiện đường bộ, đường thủy nội địa; từng bước triển khai áp dụng hệ thống giao thông thông minh trên đường cao tốc và giao thông đô thị.

đ) Nâng cao năng lực công tác cứu hộ, cứu nạn, đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải, hàng không đáp ứng theo yêu cầu của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) và Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO); tăng cường chất lượng dịch vụ, công tác cứu hộ, cứu nạn trên các tuyến giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đặc biệt trên các tuyến đường bộ cao tốc.

2.2. Các nhiệm vụ về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, chất lượng, đáng tin cậy, có khả năng chống chịu và bền vững, bao gồm cả cơ sở hạ tầng liên vùng và biên giới để hỗ trợ phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống của người dân với mục tiêu tiếp cận công bằng và trong khả năng chi trả của mọi người (Mục tiêu số 9.1)

a) Rà soát, cập nhật, bổ sung hoàn chỉnh hệ thống quy hoạch chú trọng đến các mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo mọi người được tiếp cận với hệ thống giao thông an toàn, đặc biệt chú ý tới nhu cầu của phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật và người cao tuổi.

b) Ưu tiên nguồn lực để phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông, chú trọng phát triển hệ thống hạ tầng kết nối giữa các phương thức vận tải và các trung tâm logistics; đảm bảo đủ nguồn vốn cho công tác bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông hiện có, tăng cường thực hiện xã hội hóa công tác bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông.

c) Tập trung mọi nguồn lực đảm bảo 100% các xã được tiếp cận với đường giao thông nông thôn; hoàn thành chương trình cầu dân sinh nhằm nâng cao chất lượng mạng lưới đường giao thông nông thôn vùng dân tộc thiểu số.

d) Rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế chính sách và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý, bảo trì và khai thác kết cấu hạ tầng giao thông đảm bảo hiệu quả, bền vững.

2.3. Các nhiệm vụ đảm bảo mọi người dân được tiếp cận với hệ thống giao thông an toàn, trong khả năng chi trả, thuận tiện và bền vững; cải thiện an toàn giao thông, mở rộng giao thông công cộng với chú ý đặc biệt tới nhu cầu của người khuyết tật, người cao tuổi (Mục tiêu 11.2)

a) Xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy nội địa và khu vực từ bờ ra đảo; nghiên cứu xây dựng, nâng cấp các

cảng hàng không tại các đảo, các khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.

b) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế chính sách phát triển vận tải đến các vùng sâu, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp khoảng cách giữa các vùng trên phạm vi cả nước và đảm bảo giao thông tiếp cận cho người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ và trẻ em.

c) Giám sát đảm bảo thực hiện các quy chuẩn xây dựng về điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật, người cao tuổi đối với các công trình nhà ga, bến xe, trạm dừng nghỉ đón trả khách; khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách công cộng đầu tư phương tiện đáp ứng tỷ lệ về giao thông tiếp cận theo quy định của Luật người khuyết tật và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

d) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chính sách ưu đãi giá vé vận tải hành khách cho các đối tượng hành khách ưu tiên (người khuyết tật, người cao tuổi...) theo quy định của Luật người khuyết tật, Luật người cao tuổi và phù hợp với điều kiện thực tế.

2.4. Các nhiệm vụ lồng ghép các yếu tố biến đổi khí hậu vào các chính sách, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển (Mục tiêu 13.2.b)

a) Xem xét lồng ghép các tác động biến đổi khí hậu, thiên tai trong giai đoạn lập chiến lược, quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, lập dự án, thiết kế các công trình giao thông vận tải, giai đoạn đầu tập trung thực hiện cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

b) Thực hiện thiết kế các công trình giao thông có lồng ghép tác động biến đổi khí hậu, đặc biệt tại đồng bằng sông Cửu Long, khu vực miền núi, ven biển miền Trung.

c) Nghiên cứu, xây dựng hệ thống cảnh báo sớm các khu vực dễ xảy ra sạt lở nhằm kiểm soát rủi ro và thảm họa thiên tai trong lĩnh vực giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khu vực cảng biển.

d) Ưu tiên đầu tư các dự án áp dụng giải pháp sử dụng vật liệu nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải, đường thủy nội địa quốc gia nhằm tận dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên, nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

III. Tổ chức thực hiện

3.1. Triển khai thực hiện

Căn cứ các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu của Kế hoạch hành động và các nhiệm vụ cụ thể được phân công tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo Quyết định, các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện; gắn các nhiệm vụ về phát triển bền vững với các nhiệm vụ hàng năm của cơ quan, tổ chức.

3.2. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động được huy động từ nhiều nguồn khác nhau: vốn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Bộ Giao thông vận tải (đối với Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành ở địa phương); nguồn vốn của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có liên quan; vốn hỗ trợ của nước ngoài và các nguồn vốn khác.

b) Căn cứ nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị khi xây dựng dự toán chi ngân sách hàng năm, chủ động xây dựng dự toán chi thực hiện Kế hoạch hành động này để tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách Nhà nước hàng năm của cơ quan, đơn vị mình theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ Tài chính cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn chi đầu tư phát triển và nguồn chi sự nghiệp để triển khai Kế hoạch hành động; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ sử dụng kinh phí đúng mục đích và hiệu quả.

d) Vụ Hợp tác quốc tế tham mưu trong việc tổ chức vận động, huy động các nguồn tài trợ nước ngoài để thực hiện Kế hoạch hành động; hỗ trợ Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục quản lý chuyên ngành tiếp cận các nguồn tài trợ để triển khai Kế hoạch hành động.

e) Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục quản lý chuyên ngành, Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải, các sở Giao thông vận tải căn cứ điều kiện thực tế và nhu cầu quản lý của đơn vị mình chủ động huy động các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để thực hiện Kế hoạch hành động.

3.3. Giám sát và đánh giá

a) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này, định kỳ hàng năm (trước ngày 20/12) có báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, đề án, chương trình được giao chủ trì tại Phụ lục 1 của Quyết định; báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững thuộc lĩnh vực quản lý theo lộ trình và kỳ báo cáo quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Quyết định và Thông tư số 48/2017/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành giao thông vận tải gửi về Bộ Giao thông vận tải (qua Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ Môi trường) để tổng hợp.

b) Vụ Môi trường làm đầu mối tổng hợp chung có trách nhiệm tổng hợp, thống kê các nhiệm vụ, đề án, chương trình, các chỉ tiêu giám sát, đánh giá tại Phụ lục 1, Phụ lục 2; tham mưu triển khai các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Giao thông vận tải là cơ quan phối hợp nêu tại Quyết định số 622/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ./.

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày tháng năm 201 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan/ Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giai đoạn thực hiện		
				2018 - 2020	2020 - 2025	2025 - 2030
1	Nhiệm vụ thực hiện Mục tiêu số 3.5, mục b					
-	<i>Huy động mọi nguồn lực để phát triển hạ tầng giao thông, sử dụng công nghệ tiên tiến trong kiểm soát, quản lý hệ thống giao thông đường bộ</i>					
1.1	Ưu tiên bố trí nguồn vốn cho công tác bảo trì, cải tạo điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông	Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ Tài chính, Vụ Quản lý doanh nghiệp, Vụ Đối tác công - tư; Tổng cục ĐBVN, Cục ĐSVN, Cục ĐTNĐVN	x	x	x
1.2	Tập trung nguồn lực hoàn thành 2.272 câu dân sinh và 676 km đường địa phương thuộc chương trình đảm bảo an toàn giao thông vùng dân tộc thiểu số	Tổng cục ĐBVN	Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ Tài chính; các Sở GTVT	x	x	-
1.3	Cải tạo, thay thế dần các cầu yếu, cầu hạn chế tải trọng trên hệ thống đường bộ và các cầu không bảo đảm khả năng thuyền trên hệ thống đường thủy nội địa	Cục Đường sắt Việt Nam	Vụ Khoa học - Công nghệ; Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông	x	-	-
1.4	Tổ chức, rà soát xây dựng mới, sửa đổi bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, liên quan kết cấu hạ tầng giao thông	Tổng cục ĐBVN, các Cục quản lý chuyên ngành	Vụ Khoa học - Công nghệ, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông	x	x	x
1.5	Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong việc giám sát hành trình phương tiện đường bộ, triển khai ứng dụng giao thông thông minh (ITS) trên đường cao tốc và giao thông	Tổng cục ĐBVN	Vụ Khoa học - Công nghệ, Vụ Vận tải, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông, Vụ An toàn giao thông; các Sở GTVT	x	x	x

TT	Nội dung công việc	Cơ quan/ Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giai đoạn thực hiện		
				2018 - 2020	2020 - 2025	2025 - 2030
	đô thị					
1.7	Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong việc giám sát hành trình phương tiện đường thủy, lắp đặt thiết bị nhận dạng tự động (AIS) và hệ thống thông tin liên lạc (VHF) trên phương tiện đường thủy; xây dựng thủy đồ điện tử; hệ thống phao báo hiệu gắn hệ thống định vị toàn cầu (GPS)	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Vụ Khoa học - Công nghệ, Vụ Vận tải, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông, Vụ An toàn giao thông	x	-	-
1.8	Tăng cường công tác cứu nạn trên biển, điều tra, xử lý tai nạn và sự cố hàng hải, công tác bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường đáp ứng các yêu cầu của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO)	Cục Hàng hải Việt Nam	Vụ An toàn giao thông, Vụ Môi trường, Vụ Khoa học - Công nghệ, Vụ Vận tải, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông	x	x	x
1.9	Tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo, quản lý an ninh, an toàn hàng không, duy trì đáp ứng các yêu cầu của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) nhằm giảm sự cố an toàn hàng không thông qua hợp tác với Cơ quan thương mại và phát triển Mỹ (USTDA) để triển khai áp dụng phần mềm báo cáo và theo dõi giám sát hàng không dân dụng (CASORT) Cục Hàng không liên bang Mỹ (FAA), xây dựng phần mềm cảnh báo đối tượng nguy hiểm và kiểm soát thể an ninh hàng không tại các Cảng hàng không ở Việt Nam	Cục Hàng không Việt Nam	Vụ An toàn giao thông, Vụ Khoa học - Công nghệ, Vụ Vận tải, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông	x	x	x
1.10	Tăng cường chất lượng dịch vụ, công tác cứu hộ, cứu nạn trên các tuyến giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đặc biệt trên các tuyến đường bộ cao tốc	Tổng cục ĐBVN, Cục Đường sắt VN	Vụ An toàn giao thông, Vụ Vận tải, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông	x	x	x
-	Phát triển mạng lưới giao thông công cộng, đặc biệt tại các thành phố lớn					

TT	Nội dung công việc	Cơ quan/ Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giai đoạn thực hiện		
				2018 - 2020	2020 - 2025	2025 - 2030
1.11	Huy động mọi nguồn lực để phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tại các đô thị, đặc biệt là tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh	Sở GTVT	Vụ Vận tải, Vụ Kế hoạch - Đầu tư; Tổng cục ĐBVN	x	x	x
1.12	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các quy định kỹ thuật về kết cấu hạ tầng, phương tiện phục vụ vận tải công cộng bằng xe buýt tại các thành phố	Tổng cục ĐBVN; Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Vụ Khoa học - Công nghệ, Vụ Vận tải	x	x	x
1.13	Rà soát, hoàn thiện các cơ chế chính sách để hỗ trợ đổi mới đoàn phương tiện vận tải hành khách bằng xe buýt, ưu tiên phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch, phương tiện hỗ trợ người khuyết tật nhằm nâng cao chất lượng đoàn phương tiện và chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng tại các thành phố	Vụ Vận tải	Tổng Cục ĐBVN, Cục Đăng kiểm Việt Nam; các Sở GTVT.	x	x	x
2	Các nhiệm vụ thực hiện Mục tiêu số 9.1					
-	<i>Nâng cao chất lượng xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông</i>					
2.1	Rà soát, cập nhật, bổ sung hoàn chỉnh hệ thống quy hoạch chú trọng đến các mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo mọi người được tiếp cận với hệ thống giao thông an toàn, đặc biệt chú ý tới nhu cầu của người khuyết tật và người cao tuổi và người yếu thế trong xã hội	Viện Chiến lược và PTGTVT, Tổng cục ĐBVN, các Cục Quản lý chuyên ngành	Các Vụ kế hoạch - Đầu tư, Vụ Vận tải, Vụ Môi trường.	x	x	x
-	<i>Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại tạo nên mạng lưới hoàn chỉnh, liên hoàn, liên kết giữa các phương thức vận tải, giữa các vùng lãnh thổ, giữa đô thị và nông thôn trên phạm vi toàn quốc</i>					
2.2	Ưu tiên nguồn lực để phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng giao	Vụ Kế hoạch -	Vụ Đối tác công - tư, Vụ Tài Chính;	x	x	x

TT	Nội dung công việc	Cơ quan/ Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giai đoạn thực hiện		
				2018 - 2020	2020 - 2025	2025 - 2030
	thông, chú trọng phát triển hệ thống hạ tầng kết nối giữa các phương thức vận tải và các trung tâm logistics	Đầu tư	Tổng cục ĐBVN, các Cục trực thuộc Bộ.			
2.3	Huy động nguồn lực phát triển hệ thống đường bộ cao tốc Bắc Nam, hệ thống đường sắt Bắc Nam tốc độ cao, cảng hàng không quốc tế Long Thành, phát huy hiệu quả khai thác các cảng biển cửa ngõ quốc tế	Vụ Kế hoạch - Đầu tư	Vụ Đối tác công - tư, Vụ Tài Chính; Tổng cục ĐBVN, các Cục trực thuộc Bộ.	x	x	x
-	Coi trọng công tác bảo trì, duy trì, củng cố và nâng cấp mạng lưới giao thông lưuvi giao thông hiện có theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật; áp dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo hiệu quả, bền vững trong khai thác kết cấu hạ tầng giao thông hiện có					
2.4	Rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý, bảo trì và khai thác kết cấu hạ tầng giao thông đảm bảo hiệu quả, bền vững	Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông	Tổng cục ĐBVN, các Cục trực thuộc Bộ.	x	x	x
2.5	Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, đảm bảo hiệu quả, bền vững trong quản lý, bảo trì và khai thác kết cấu hạ tầng giao thông hiện có	Tổng cục ĐBVN, các Cục quản lý chuyên ngành	Vụ Khoa học - Công nghệ, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông.	x	x	x
2.6	Đảm bảo đủ nguồn vốn cho công tác bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông hiện có, tăng cường thực hiện xã hội hóa công tác bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông	Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông	Vụ Tài chính; Tổng cục ĐBVN, các Cục trực thuộc Bộ.	x	x	x
-	Giải quyết cơ bản tình trạng ách tắc giao thông					
2.7	Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong tổ chức, điều hành giao thông đô thị tại địa phương	Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Vụ Khoa học - Công nghệ; Tổng Cục ĐBVN.	x	x	x
3	Các nhiệm vụ thực hiện mục tiêu 11.2					

TT	Nội dung công việc	Cơ quan/ Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giai đoạn thực hiện		
				2018 - 2020	2020 - 2025	2025 - 2030
-	Thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam đến 2020 và tầm nhìn đến 2030; Chiến lược phát triển dịch vụ vận tải đến 2020 và tầm nhìn đến 2030					
3.1	Xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy nội địa và khu vực từ bờ ra đảo. Nghiên cứu xây dựng, nâng cấp các cảng hàng không tại các đảo, các khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo	Vụ Kế hoạch- Đầu tư	Tổng cục ĐBVN, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Hàng Hải Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam.	x	x	x
3.2	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế chính sách phát triển vận tải đến các vùng sâu, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp khoảng cách giữa các vùng trên phạm vi cả nước	Vụ Vận tải	Tổng cục ĐBVN, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Hàng Hải Việt Nam.	x	x	x
-	Phát triển hợp lý dịch vụ vận tải gom khách tại các khu vực xe buýt không thể tiếp cận; nâng cao chất lượng và an toàn giao thông, cải thiện điều kiện phục vụ của vận tải công cộng thích hợp đối với người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ và trẻ em					
3.3	Nghiên cứu phát triển hợp lý dịch vụ vận tải gom khách tại các khu vực xe buýt không thể tiếp cận	Viện Chiến lược và Phát triển GTVT	Vụ Vận tải; Tổng cục ĐBVN, các Cục trực thuộc Bộ.	x	-	-
3.4	Rà soát, hoàn chỉnh hệ thống chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về giao thông tiếp cận tạo điều kiện để người khuyết tật, người cao tuổi và các đối tượng yếu té khác tham gia giao thông	Vụ Vận tải	Vụ Môi trường; Tổng cục ĐBVN, các Cục trực thuộc Bộ, Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	x	x	-
-	Đầu tư phát triển hệ thống giao thông có chú ý đến điều kiện của người khuyết tật người cao tuổi, phụ nữ và trẻ em; thực hiện chính sách miễn giảm giá vé, giá dịch vụ giao thông công cộng đối với người khuyết tật, trẻ em theo quy định					
3.5	Giám sát đảm bảo thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng về điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật, người cao tuổi đối với các công trình nhà ga, bến xe, trạm dừng nghỉ đón trả khách	Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Vụ Vận tải, Tổng cục ĐBVN, các Cục trực thuộc Bộ.	x	x	x

TT	Nội dung công việc	Cơ quan/ Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giai đoạn thực hiện		
				2018 - 2020	2020 - 2025	2025 - 2030
3.6	Hoàn thiện chính sách ưu đãi giá vé vận tải hành khách cho các đối tượng hành khách ưu tiên (người khuyết tật, người cao tuổi, ..)	Vụ Vận tải	Tổng cục ĐBVN, Cục Đường sắt Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Hàng Hải Việt Nam	x	x	-
4	Các nhiệm vụ thực hiện mục tiêu 13.2.b					
-	Điều chỉnh bổ sung, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thiết kế công trình, hạ tầng giao thông dựa trên kịch bản biến đổi khí hậu					
4.1	Xây dựng và ban hành số tay hướng dẫn lồng ghép giải pháp thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu trong giai đoạn lập chiến lược, quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, lập dự án, thiết kế các công trình GTVT	Viện Chiến lược và Phát triển GTVT	Vụ Môi trường, Vụ Kế hoạch – Đầu tư, Vụ Khoa học - Công nghệ, Tổng cục ĐBVN, các Cục trực thuộc Bộ.	x	-	-
4.2	Rà soát, điều chỉnh lồng ghép các yếu tố Biến đổi khí hậu và nước biển dâng vào quy hoạch giao thông vận tải đường thủy nội địa khu vực đồng bằng sông Cửu Long	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam Sở GTVT các tỉnh ĐBSCL	Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Viện Chiến lược và Phát triển GTVT, Vụ Môi trường.	x	-	-
4.3	Thực hiện thiết kế các công trình giao thông có lồng ghép tác động biến đổi khí hậu, đặc biệt tại khu vực miền núi, ven biển miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long	Tổng cục ĐBVN, Cục ĐSVN, Cục Đường thủy nội địa VN, Cục HHVN	Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ Môi trường, Vụ Khoa học - Công nghệ, Viện Chiến lược và Phát triển GTVT.	x	x	x
4.4	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống cảnh báo sớm các khu vực dễ xảy ra sạt lở nhằm kiểm soát rủi ro và thảm họa thiên tai trong lĩnh vực giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khu vực cảng biển	Tổng cục ĐBVN, Cục Đường sắt VN, Cục Đường thủy nội địa VN, Cục Hàng	Vụ Khoa học - Công nghệ, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông, Vụ Môi trường.	x	x	x

TT	Nội dung công việc	Cơ quan/ Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giai đoạn thực hiện		
				2018 - 2020	2020 - 2025	2025 - 2030
		hải VN				
4.5	Ưu tiên đầu tư các dự án áp dụng giải pháp sử dụng vật liệu nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải, đường thủy nội địa quốc gia nhằm tận dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên trên địa bàn các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long nhằm nâng cao khả năng chống chịu với Biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Cục HHVN Việt Nam, Cục ĐTNĐ Việt Nam	Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ Môi trường, Vụ Khoa học - Công nghệ, Cục Quản lý Xây dựng và Chất lượng công trình giao thông	x	x	x
5	Các nhiệm vụ khác					
5.1	Rà soát việc thực hiện công tác thống kê chỉ tiêu phát triển bền vững trong toàn ngành; nghiên cứu đề bổ sung hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu giám sát đánh giá mục tiêu phát triển bền vững ngành GTVT	Vụ Kế hoạch Đầu Tư.	Các cơ quan trực thuộc Bộ	x	x	-
5.2	Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật, huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp nhằm thực hiện có hiệu quả các nội dung kế hoạch hành động bền vững ngành GTVT	Vụ Hợp tác Quốc tế, Vụ Quản lý doanh nghiệp	Các cơ quan trực thuộc Bộ; các Tổ chức quốc tế.	x	x	x
5.3	Phổ biến nội dung Kế hoạch hành động đến tất cả các đơn vị, tổ chức thuộc ngành GTVT; tổ chức các lớp đào tạo tập huấn, hội thảo chuyên đề, tuyên truyền trên các phương tiện đại chúng, các trang thông tin nội bộ	Vụ Môi trường	Các cơ quan trực thuộc Bộ; Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	x	x	x
5.4	Tăng cường vai trò của cộng đồng người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện và giám sát các chỉ tiêu phát triển bền vững ngành giao thông vận tải	Các cơ quan trực thuộc Bộ, các Sở GTVT	Các Chủ đầu tư, Doanh nghiệp ngành GTVT.	x	x	x

Ghi chú: (-) Sẽ được điều chỉnh giai đoạn tiếp theo.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CHỈ TIÊU GIÁM SÁT VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2707 /QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu đề xuất để xây dựng lộ trình				Cơ quan tổng hợp	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, báo cáo	Cơ sở đề xuất chỉ tiêu và lộ trình
			Dữ liệu cơ sở 2017	2020	2025	2030			
I	Mục tiêu 3.5: Đến năm 2030, hàng năm tiếp tục kiểm chế và giảm tai nạn giao thông trên cả ba tiêu chí, số vụ, số người chết và người bị thương (Mục tiêu 3.5)								
1.1	Số người chết do tai nạn giao thông đường bộ	Người	Giảm 5 đến 10% năm	Giảm 5 đến 10% năm	Giảm 5 đến 10% năm	Giảm 5 đến 10% năm	Vụ An toàn giao thông	Sở GTVT	Chỉ tiêu PTBV toàn cầu; Quyết định số 1586/QĐ-TTg ngày 24/10/2012
1.2	Số người bị thương do tai nạn giao thông đường bộ	Người	Giảm 5 đến 10% năm	Giảm 5 đến 10% năm	Giảm 5 đến 10% năm	Giảm 5 đến 10% năm	Vụ An toàn giao thông	Sở GTVT	
1.3	Số vụ tai nạn giao thông đường bộ (TNGT)	Vụ	Giảm 5 đến 10% năm	Giảm 5 đến 10% năm	Giảm 5 đến 10% năm	Giảm 5 đến 10% năm	Vụ An toàn giao thông	Sở GTVT	
1.4	Số lượng điểm đen, điểm tiềm ẩn TNGT đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt được xử lý, cải tạo ²	%	Giảm 5 đến 10% năm	Giảm 5 đến 10% năm	Giảm 5 đến 10% năm	Giảm 5 đến 10% năm	Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông	Vụ An toàn giao thông; Tổng cục ĐBVN; các Cục trực thuộc Bộ	Quyết định số 1586/QĐ-TTg ngày 24/10/2012

¹Số liệu từ Trung tâm An toàn Giao thông, Viện Chiến lược và Phát triển Giao thông vận tải.

²Viện Chiến lược và Phát triển GTVT.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu đề xuất để xây dựng lộ trình				Cơ quan tổng hợp	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, báo cáo	Cơ sở đề xuất chỉ tiêu và lộ trình
			Dữ liệu cơ sở 2017	2020	2025	2030			
II	Mục tiêu 9.1: Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, chất lượng, đáng tin cậy, có khả năng chống chịu và bền vững, bao gồm cả cơ sở hạ tầng liên vùng và biên giới để hỗ trợ phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống của người dân với mục tiêu tiếp cận công bằng và trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người								
2.1	Tỷ lệ cầu dân sinh hoàn thành đưa vào sử dụng	%	45	65 - 70	-	-	Vụ Kế hoạch - Đầu tư	Tổng cục ĐBVN, Sở GTVT	Quyết định số 622/QĐ-BGTVT ngày 03/2/2016; Quyết định số 1698/QĐ-BGTVT ngày 15/6/2017; Văn bản số 9336/BC-BGTVT ngày 22/8/2018.
2.2	Chiều dài mạng lưới đường thủy nội địa	km	17.253	-	-	26.650	Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Báo cáo quy hoạch tổng thể phát triển GTVT đường TND đến 2020, định hướng đến năm 2030
2.3	Số km đường bộ cao tốc Bắc - Nam	km	-	-	-	3.083	Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông	Tổng cục ĐBVN	Quyết định số 326/2016/QĐ-TTg ngày 01/3/2016
2.4	Số km đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam (Tuyến Hà Nội - Vinh; Thành phố Hồ Chí Minh - Nha Trang)	km	-	-	-	737,98	Cục Đường sắt VN	Tổng Công ty ĐSVN	Quyết định số 1468/2015/QĐ-TTg ngày 24/8/2015; Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu đề xuất để xây dựng lộ trình				Cơ quan tổng hợp	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, báo cáo	Cơ sở đề xuất chỉ tiêu và lộ trình
			Dữ liệu cơ sở 2017	2020	2025	2030			
2.5	Tốc độ tăng trưởng khối lượng vận tải hàng hóa toàn ngành	%	7	9,1	-	6,7	Vụ Vận tải	Tổng cục DBVN và các Cục trực thuộc Bộ	Quyết định số 318/2014/QĐ-TTg ngày 04/03/2014
2.6	Tốc độ tăng trưởng khối lượng vận tải hành khách toàn ngành	%	7-8	10,67	-	8,22	Vụ Vận tải	Tổng Cục ĐBVN và các Cục trực thuộc Bộ	Quyết định số 318/2014/QĐ-TTg ngày 04/03/2014
III. Mục tiêu 11.2: Đến năm 2030, đảm bảo mọi người dân được tiếp cận với hệ thống giao thông an toàn, trong khả năng chi trả, thuận tiện và bền vững, cải thiện an toàn giao thông, mở rộng giao thông công cộng với chú ý đặc biệt tới nhu cầu của phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật và người cao tuổi.									
3.1	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã	%	95	100	100	100	Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông	Sở GTVT	Quyết định số 1509/QĐ-BGTVT ngày 08/07/2011
3.2	Tỷ lệ đảm nhận vận tải hành khách công cộng tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội	%	-	20 - 25	-	35 - 40	Vụ Vận tải	Sở GTVT	Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 04/03/2014

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu đề xuất để xây dựng lộ trình			Cơ quan tổng hợp	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, báo cáo	Cơ sở đề xuất chỉ tiêu và lộ trình
			Dữ liệu cơ sở 2017	2020	2025			
3.3	Quỹ đất dành cho giao thông đô thị	%	-	16 - 26	16 - 26	16 - 26	Sở GTVT; Tổng Cục ĐBVN	Luật giao thông đường bộ; Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 25/02/2013.
IV	Mục tiêu 13.2: Lồng ghép các yếu tố biến đổi khí hậu vào các chính sách, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển³							
4.1	Tỷ lệ các Quy hoạch giao thông vận tải có thực hiện lồng ghép ứng phó BĐKH	%	-	-	100	100	Tổng cục ĐBVN; các Cục trực thuộc Bộ; Sở GTVT, Viện Chiến lược và PTGTVT.	Quyết định số 1456/QĐ-BGTVT ngày 11/05/2016.
4.2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông được áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có tích hợp với ứng phó BĐKH	%	-	-	30 - 50	60 - 80	Vụ Kế hoạch - Đầu tư; Vụ Môi trường	Báo cáo hàng năm của Bộ và nghiên cứu Viện Chiến lược và Phát triển GTVT.

³Viện Chiến lược và Phát triển GTVT.